

Bản án số: 05 /2025/ HNGĐ - ST
Ngày 16/ 9/ 2025.
Về việc: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Nhật Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Dữ và ông Mai Văn Chất.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Trần Quốc Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 64/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định xét xử số 07/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trương Thị T, sinh năm 2002; căn cước công dân số: 0373020029xx cấp ngày 24/6/2021 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: Xóm A, xã L, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Anh Đàm Tiến S, sinh năm 1998; căn cước công dân số: 0370980006xx cấp ngày 17/9/2021 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; nơi ĐKKHTT: xóm A, xã P, tỉnh Ninh Bình.

Nơi ở hiện tại: Tổ F, phố N, xã P, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa có mặt: Chị Trương Thị T; vắng mặt anh Đàm Tiến S (anh S vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai cùng các văn bản khác nguyên đơn là chị Trương Thị T trình bày: Chị và anh Đàm Tiến S, sau thời gian tự do tìm hiểu, chị và anh S có làm thủ tục đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 24 tháng 11 năm 2022, tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình (nay là xã L, tỉnh Ninh Bình). Sau khi kết hôn chị và anh S về sống chung tại nhà của bố mẹ đẻ anh S, ở Tổ F, phố N, xã P, tỉnh Ninh Bình, trong thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó đến năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên to tiếng cãi chửi nhau, nguyên nhân là do anh S ham chơi, không tu chí làm ăn, chị tìm hiểu sau mới biết được anh S thường hút chất kích thích, một dạng ma túy, mỗi lần hút dẫn đến anh S không được tỉnh táo, mỗi lần như thế vợ chồng lại cãi chửi nhau. Chị đã khuyên nhủ anh S từ bỏ nhiều lần nhưng anh S không thay đổi, để từ bỏ chất kích thích này. Do vậy tình trạng hôn nhân

lâm vào nghiêm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên tháng 02/2024 chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở xã L để sinh sống, chị và anh S sống ly thân cho đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm giữa chị và anh S không còn, chị và anh S không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được. Do đó chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S để chị ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Chị và anh S cho đến nay không có con chung; về con riêng chị và anh S không có, nay ly hôn chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản: Chị xác định không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Đàm Tiến S, hiện tại anh đang có hộ khẩu tại xã P, tỉnh Ninh Bình. Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án cho anh S, song do anh S đi làm không có mặt ở nhà để nhận nên Tòa án đã giao Thông báo thụ lý vụ án cho bà Phan Thị D là mẹ đẻ của anh S nhận thay, bà D cam kết giao lại cho anh S, sau đó Tòa án báo gọi nhiều lần nhưng anh S vẫn không đến Tòa án làm việc. Tại biên bản làm việc với bà Phan Thị D, được bà cho biết sau khi nhận thông báo thụ lý vụ án bà đã điện thoại thông báo cho anh S biết về nội dung chị T xin ly hôn anh, anh S biết nhưng không có ý kiến gì. Tại biên bản xác minh ngày 29/5/2025 tại chính quyền địa phương cho biết anh S đang có hộ khẩu tại địa phương, chị T và anh S quá trình chung sống đã xảy ra mâu thuẫn, chị T và anh S đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2024 cho đến nay, chị T và anh S chung sống nhưng chưa có con chung. Bản thân anh S đang sống cùng với mẹ đẻ, anh S đi làm ở tỉnh Hải Dương được hai ngày nay, còn bà D mới đi vào miền N nên nhà khóa cửa không còn ai. Để bảo đảm quyền và nghĩa vụ của anh S Tòa án đã tiến hành niêm yết theo quy định của pháp luật. Anh S biết được việc chị T xin ly hôn nhưng anh không đến Tòa án để làm việc theo giấy báo của Tòa án, không giao nộp bất cứ tài liệu chứng cứ và bản tự khai cho Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình thì anh S phải chịu hậu quả của việc không giao nộp tài liệu, chứng cứ và không đến Tòa án làm việc. Do vậy Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa có quan điểm: Về thủ tục: Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật trong quá trình tiến hành tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không thực hiện về các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Nay anh S vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án được giải quyết theo thủ tục chung.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trương Thị Thanh X cho ly hôn với anh Đàm Tiến S. Về con chung: chị T và anh S không có con chung, con riêng không ai có. Về tài sản chị T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị T là nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trương Thị T có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Đàm Tiến S, có địa chỉ tại xã P, tỉnh Ninh Bình. Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ngày 28/8/2025 có mặt chị Trương Thị T còn anh Đàm Tiến S vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, Hội đồng xét xử đã ra quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay chị Trương Thị T có mặt, còn anh Đàm Tiến S vẫn vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị T và anh Đàm Tiến S có thời gian tự do tìm hiểu nhau, trước khi cưới anh chị đã tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 24 tháng 11 năm 2022 tại UBND xã L, huyện K (nay là xã L, tỉnh Ninh Bình). Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh S là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian cho đến tháng 02/2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh S có sử dụng chất ma túy, không quan tâm đến cuộc sống gia đình, dẫn đến vợ chồng cãi chửi nhau nhiều lần, do sống không có hạnh phúc nên chị T đã dọn về nhà mẹ đẻ chị tại xã L để sinh sống và vợ chồng sống ly thân nhau kể từ đó cho đến nay. Tại phiên tòa chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh S.

Căn cứ vào các tài liệu chị T giao nộp cũng như qua biên bản xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy, hôn nhân giữa chị T và anh S trong quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, hiện tại chị T và anh S đang sống ly thân và không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa, bản thân anh S sinh sống cùng nhà với mẹ đẻ anh tại xã P. Anh S biết được việc chị T xin ly hôn nhưng anh không có ý kiến gì trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, cũng như khi Tòa án hòa giải, anh S luôn vắng mặt và không giao nộp bất cứ tài liệu gì, để thể hiện anh mong muốn vợ chồng về đoàn tụ khi chị T xin ly hôn anh. Như vậy thấy rằng tình cảm giữa chị T và anh S dành cho nhau không còn, vợ chồng không có khả năng về đoàn tụ. Từ những căn cứ và đánh giá nêu trên có đủ cơ sở để khẳng định tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh S đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị T xin ly hôn với anh S là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị T và anh S cho đến nay không có con chung; về con riêng không có nên chị T không yêu cầu.

[4] Về tài sản: Chị T không có yêu cầu, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T là nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 và khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án; xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trương Thị T về việc “Ly hôn” đối với anh Đàm Tiến S .

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trương Thị Thanh ly H anh Đàm Tiến S.

2. Về án phí: Chị Trương Thị T phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình để sung ngân sách Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002045 ngày 19 tháng 5 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 - Ninh Bình).

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND khu vực 4 – Ninh Bình.
- THADS tỉnh Ninh Bình.
- UBND xã L.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PƯỞC TÒA**

(Đã ký)

Vũ Nhật Trung